

THÔNG BÁO

lịch thi trắc nghiệm trên máy vi tính (vòng 1)
kỳ thi tuyển công chức vào làm việc tại các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc
và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Cao Bằng năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 338-KH/TU, ngày 09/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về tuyển dụng công chức, viên chức vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Cao Bằng năm 2024; Thông báo số 453-TB/HĐTD, ngày 25/6/2024 của Hội đồng tuyển dụng về kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển công chức và triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 1 kỳ thi tuyển công chức vào làm việc tại các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Cao Bằng năm 2024.

Hội đồng tuyển dụng thông báo lịch thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ (vòng 1), như sau:

1. Thời gian, địa điểm thi

- **Thời gian thi:** Ngày 08/7/2024 (thứ Hai).

- **Địa điểm thi:** Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: Tổ 1, Phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Danh sách phòng thi, lịch thi, ca thi

2.1. Danh sách phòng thi

Gồm 02 phòng thi: Có danh sách thí sinh theo từng phòng thi, ca thi kèm theo.

2.2. Lịch thi, ca thi

- Thi môn Kiến thức chung: Từ ca thi 01 đến ca thi 04, ngày 08/7/2024.

- Thi môn Ngoại ngữ: Ca thi 04, ngày 08/7/2024.

(Có lịch thi chi tiết theo từng ca thi kèm theo)

3. Yêu cầu đối với thí sinh dự thi

- Chấp hành nghiêm Nội quy thi trắc nghiệm trên máy vi tính và lịch thi theo quy định (*Có nội quy thi trắc nghiệm trên máy vi tính kèm theo*).
- Xuất trình giấy tờ tùy thân hợp pháp có dán ảnh để kiểm tra trước khi vào phòng thi.
- Ký xác nhận kết quả thi sau khi nộp bài thi

4. Yêu cầu đối với Ban coi thi

Ban coi thi trắc nghiệm có trách nhiệm phân công thành viên tổ chức thi trắc nghiệm trên máy vi tính đảm bảo đúng tiến độ thời gian trong Thông báo và đúng nội quy, quy chế thi.

Trên đây là Thông báo của Hội đồng tuyển dụng về lịch thi trắc nghiệm trên máy vi tính môn kiến thức chung và môn ngoại ngữ (vòng 1) kỳ thi tuyển công chức năm 2024. Nếu có nội dung chưa rõ, đề nghị liên hệ cơ quan thường trực Hội đồng tuyển dụng (qua số điện thoại 02063.853.943) để được giải đáp.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐTD,
- Ban giám sát,
- Ban coi thi,
- Lãnh đạo BTC Tỉnh uỷ,
- Trang TTĐT Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ,
- Lưu Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.

TRƯỞNG BAN

kiêm

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thúy Anh



DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI VÒNG 1, KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2024

MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
A	CA THI SỐ 01											
I	PHÒNG THI SỐ 01											
1	SBD101	Nông Thị Mai Chi	10/3/1997	Tày	Lý Quốc, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
2	SBD102	Nông Lê Đại	29/3/1993	Tày	Sóc Hà, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
3	SBD103	Long Văn Hoà	18/11/1990	Nùng	Quốc Toàn, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
4	SBD104	Bế Thiện Long	11/9/1996	Tày	Khang Ninh, Ba Bể, Bắc Kạn	ĐH	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
5	SBD105	Hoàng Đức Nhuận	20/3/1992	Tày	Ngọc Đào, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
6	SBD106	Lý Tiến Phi	28/6/1990	Dao	TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
7	SBD107	Nguyễn Văn Quyền	21/5/1993	Kinh	Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Nguyên Bình		Miễn thi	Có chứng chỉ tiếng dân tộc (Tày)
8	SBD108	Hoàng Văn Duy	18/12/1988	Nùng	TT Quảng Uyên, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
9	SBD109	Hoàng Thị Duyên	14/9/1998	Tày	Đoài Dương, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
10	SBD110	Hoàng Thị Điện	12/5/1994	Tày	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
11	SBD111	Triệu Hồng Hạnh	24/7/2000	Tày	Hồng Việt, Hòa An, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Chuyên viên	Ban Dân vận Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
12	SBD112	Nông Thị Ánh	14/05/1999	Tày	Giáo Hiệu, Pác Nặm, Bắc Kạn	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
13	SBD113	Đinh Thị Chi	04/02/1991	Tày	Hạnh Phúc, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
14	SBD114	Hoàng Văn Cường	15/8/1989	Nùng	Tổng Cọt, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
15	SBD115	Nông Thị Đào	10/4/1996	Nùng	Phúc Sen, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
16	SBD116	Nông Thị Thu Hà	16/12/1998	Tày	TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
17	SBD117	Tô Thị Thu Hà	01/01/1997	Tày	Đồng Loan, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
18	SBD118	Nông Sơn Hải	26/8/1988	Tày	Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
19	SBD119	Bế Hải Hằng	24/9/1995	Tày	Minh Khai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
20	SBD120	Lâm Trung Hiếu	05/10/1990	Nùng	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
21	SBD121	Phan Thị Thu Hường	06/8/1996	Tày	Phúc Sen, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
22	SBD122	Ngô Thị Kiều	29/10/1992	Tày	Phong Châu, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
23	SBD123	Hoàng Doãn Linh	19/8/1990	Tày	TT Trùng Khánh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
24	SBD124	Nông Thị Ngọc Linh	29/9/2000	Tày	Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
25	SBD125	Đặng Mùi Mui	05/6/1996	Dao	Ca Thành, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
26	SBD126	Lục Thị	Nga	20/11/1990	Nùng	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
27	SBD127	La Thúy	Nga	29/10/1994	Nùng	TT Quảng Uyên, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
28	SBD128	Nông Đức	Phong	06/7/1993	Nùng	Ea Tam, Krông Năng, Đắk Lắk	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
II	PHÒNG THI SỐ 02												
1	SBD129	Đoàn Thanh	Tâm	17/9/1997	Tày	Chi Viễn, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
2	SBD130	Đàm Phương	Thảo	10/12/2000	Tày	Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
3	SBD131	Vi Thị	Thịnh	17/7/1992	Nùng	Cần Yên, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
4	SBD132	Ngọc Thị Thuý	Trang	19/4/1994	Tày	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
5	SBD133	Ngọc Thị Huyền	Trâm	14/4/1995	Nùng	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
6	SBD134	Triệu Thị	Xuyến	08/12/1995	Nùng	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
7	SBD135	Ma Thị	Yên	21/4/1996	Tày	Đình Phùng, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Thạch An	DTTS	Miễn thi	
8	SBD136	Thạch Văn	Cương	01/7/1994	Nùng	Cách Linh, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
9	SBD137	Nguyễn Thị	Hiền	20/3/1996	Tày	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
10	SBD138	Lương Thị	Huế	19/7/1995	Nùng	Đức Hồng, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
11	SBD139	Lương Thị	Lan	05/11/1997	Tày	Phong Năm, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
12	SBD140	Bế Văn Thành	16/11/1997	Tày	Bế Văn Đàn, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Trùng Khánh	DTTS	Miễn thi	
13	SBD141	Lê An Khiêm	15/11/2001	Tày	Ngọc Đào, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
14	SBD142	Lục Thị Liên	28/02/1995	Tày	Lý Bôn, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
15	SBD143	Nông Thu Trà	18/3/1999	Tày	TT Pác Miếu, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
16	SBD144	Nông Đức Đoan	04/12/1995	Tày	Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hạ Lang	DTTS	Miễn thi	
17	SBD145	Đàm Văn Học	25/02/1995	Nùng	Cô Ngân, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hạ Lang	DTTS	Miễn thi	
18	SBD146	Lục Phương Thảo	27/9/2001	Nùng	Lý Quốc, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Giáo dục Hán ngữ quốc tế	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hạ Lang	DTTS	Miễn thi	
19	SBD147	Phạm Thị Bình	04/3/1984	Kinh	Gia Lương, Gia Lộc, Hải Dương	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An		Tiếng Anh	
20	SBD148	La Thị Chinh	01/8/1986	Tày	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
21	SBD149	Hoàng Thùy Dung	22/5/1997	Tày	TT Thông Nông, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
22	SBD150	Vũ Thị Trang Dung	14/6/1990	Nùng	Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
23	SBD151	La Thị Mỹ Duyên	04/9/2001	Tày	Xuân Nội, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
24	SBD152	La Nông Dương	03/11/1994	Tày	Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
25	SBD153	Nông Thị Ngọc Huế	09/8/2001	Tày	Cao Thăng, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
26	SBD154	Lương Thị Thu Huyền	03/6/2000	Tày	Đoài Dương, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
27	SBD155	Nguyễn Thị Khuyến	08/02/1995	Tày	Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
28	SBD156	Nông Thị Hồng Lam	12/9/1996	Tày	Lê Lợi, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
B CA THI SỐ 02												
I PHÒNG THI SỐ 01												
1	SBD157	Hoàng Thùy Lan	07/4/1992	Nùng	TT Văn Tùng, Ngân Sơn, Bắc Kạn	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
2	SBD158	Phùng Thị Phương	24/02/1990	Nùng	Hung Đạo, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
3	SBD159	Nông Phương Thảo	25/10/1996	Tày	Đoài Dương, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
4	SBD160	Vương Hoàng Thuận	14/7/1984	Nùng	Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
5	SBD161	Hoàng Anh Tuấn	20/8/1998	Nùng	Kim Đồng, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
6	SBD162	Hoàng Thị Tuyết	02/5/1986	Nùng	Phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
7	SBD163	Lương Thị Thương	16/6/1997	Nùng	Đoài Dương, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Quản trị Văn phòng	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An	DTTS	Miễn thi	
8	SBD164	Lý Thị Na	09/6/1985	Nùng	TT Pác Miầu, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Khuyến nông	Văn thư viên	Văn phòng Huyện uỷ Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
9	SBD165	Lý Thị An	30/4/1995	Tày	Lê Lợi, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
10	SBD166	Tô Ngọc Ánh	22/7/1999	Tày	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
11	SBD167	Chu Thị Bích	26/4/1999	Tày	Đề Thám, Tráng Định, Lạng Sơn	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đôi tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
12	SBD168	Triệu Thị Bình	29/5/2001	Dao	Yên Lạc, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
13	SBD169	Lý Kim Cúc	11/9/1991	Nùng	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
14	SBD170	Bế Phương Diễm	20/7/1998	Tày	Minh Khai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
15	SBD171	Trần Thùy Dung	13/12/1996	Tày	Bạch Đằng, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
16	SBD172	Triệu Thị Dung	10/12/1994	Tày	Ngọc Đào, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
17	SBD173	Vi Văn Duy	08/4/1999	Tày	Ngọc Động, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
18	SBD174	Lương Thị Dư	27/02/1991	Thái	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
19	SBD175	Chu Thị Điềm	21/5/1996	Tày	Vinh Quý, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
20	SBD176	Quan Thị Diễm	26/7/1997	Tày	Hồng Trị, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
21	SBD177	Triệu Thị Ghén	10/8/1998	Dao	Lương Thông, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
22	SBD178	Nông Nguyệt Hà	06/3/1997	Tày	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
23	SBD179	Nông Tiến Hào	21/8/1995	Tày	Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
24	SBD180	Lý Thị Hằng	25/4/2002	Dao	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
25	SBD181	Ngô Thanh Hằng	27/9/1999	Tày	Đề Thám, Trảng Định, Lạng Sơn	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
26	SBD182	Nông Thị Thanh Hoa	27/01/1995	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
27	SBD183	Hoàng Ngọc	Huế	15/10/1996	Tày	Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
28	SBD184	Lương Thu	Huyền	02/11/2002	Tày	Vũ Minh, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
II	PHÒNG THI SỐ 02												
1	SBD185	Nguyễn Mai	Hương	14/8/1994	Tày	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
2	SBD186	Đinh Thị Lê	Khuyên	22/9/2000	Tày	Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
3	SBD187	Nông Thị	Liên	02/01/2000	Tày	Ngọc Khê, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
4	SBD188	Hoàng Thị	Loan	15/6/1996	Tày	Quý Quân, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
5	SBD189	Đàm Thị	Ngân	12/3/2000	Tày	Phúc Sen, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
6	SBD190	Hoàng Thị Hồng	Nhung	10/8/2000	Tày	TT Thông Nông, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
7	SBD191	Nông Thùy	Như	09/9/1995	Nùng	Phúc Sen, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
8	SBD192	Hoàng Văn	Nghĩa	24/8/2000	Tày	Ngọc Đào, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
9	SBD193	Phan Văn	Thân	23/4/1993	Tày	Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
10	SBD194	Sinh Thị	Thùy	27/10/2000	Tày	Khánh Xuân, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
11	SBD195	Đinh Thị Thùy	Trang	22/8/1996	Tày	Vân Trinh, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
12	SBD196	Lý Thị	Trang	15/9/1999	Nùng	Bé Văn Đàn, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
13	SBD197	Nguyễn Kiều Trang	01/10/1994	Tày	Vĩnh Quang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
14	SBD198	Nông Hải Triều	16/9/2000	Tày	Quốc Khánh, Trảng Định, Lạng Sơn	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
15	SBD199	Hoàng Thị Xoan	17/4/2000	Nùng	Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
16	SBD200	Phan Thị Hoàng Yến	13/10/1994	Tày	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	UBMTTQVN huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
17	SBD201	Hoàng Thị Bạch	12/11/1996	Nùng	Hạnh Phúc, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
18	SBD202	Bàn Thị Bến	05/9/1995	Dao	Quang Thành, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
19	SBD203	Lý Ngọc Châu	20/10/1999	Nùng	Hồng Việt, Hòa An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
20	SBD204	Lương Thị Ngọc Hiếu	21/6/1995	Tày	TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
21	SBD205	La Tuyết Hôn	05/9/1994	Tày	Phường Sông Bằng, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
22	SBD206	Bế Hứa Minh Huyền	19/8/1995	Nùng	Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
23	SBD207	Nông Minh Huyền	06/3/1997	Tày	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
24	SBD208	Nguyễn Thị Thu Hương	20/9/2001	Nùng	TT Bảo Lạc, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
25	SBD209	Nguyễn Thị Thu Hương	28/02/2000	Tày	Hưng Khánh, Trấn Yên, Yên Bái	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
26	SBD210	Triệu Thị Thanh Hương	10/01/1990	Nùng	Thống Nhất, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
27	SBD211	Hoàng Văn Khánh	21/5/1999	Tày	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
28	SBD212	Linh Quốc	Khánh	25/6/1999	Nùng	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
C	CA THI SỐ 03												
I	PHÒNG THI SỐ 01												
1	SBD213	Mông Thị	Khuyên	07/02/1998	Tày	Lý Quốc, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
2	SBD214	Đàm Nhật	Lệ	01/8/1995	Tày	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
3	SBD215	Nông Thị	Liễu	17/6/2000	Tày	Phong Châu, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
4	SBD216	Bế Thị Tiểu	Linh	20/11/1992	Tày	TT Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
5	SBD217	Triệu Thị Hương	Loan	01/10/2001	Nùng	Độc Lập, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
6	SBD218	Chá A	Lồng	01/9/1997	Mông	Phi Hải, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
7	SBD219	Nông Hương	Ly	17/10/2000	Tày	Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
8	SBD220	Nông Thị Mai	Ly	27/8/2000	Tày	TT Thanh Nhật, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
9	SBD221	Hà Ngọc	Mai	12/9/1999	Tày	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
10	SBD222	Mã Thị Trà	My	01/01/1999	Tày	Hoàng Tung, Hòa An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
11	SBD223	Triệu Hồng	Ngân	17/10/1995	Tày	Ea Tam, Krông Năng, Đắk Lắk	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
12	SBD224	Đào Văn	Ngôn	25/5/2001	Mông	Mã Ba, Hà Quảng Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
13	SBD225	Mã Hồng Nhị	09/4/2001	Nùng	Lê Lai, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
14	SBD226	Nông Thị Kiều Nương	23/5/1994	Nùng	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
15	SBD227	Đặng Phúc Quân	29/8/1995	Dao	Hưng Đạo, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
16	SBD228	Hoàng Hữu Quyền	12/8/2001	Tày	Đình Phong, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
17	SBD229	Hoàng Thị Như Quỳnh	16/9/2002	Tày	TT Trùng Khánh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
18	SBD230	Triệu Thị Nguyên Thảo	20/12/1992	Tày	TT Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật học	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
19	SBD231	Lý Văn Thâm	12/12/1992	Tày	Nghiêm Loan, Pác Nặm, Bắc Kạn	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
20	SBD232	Chu Thị Thanh Thuý	07/3/1995	Tày	Phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
21	SBD233	Hoàng Thị Thương	28/01/1999	Tày	TT Trùng Khánh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
22	SBD234	Nông Thị Tinh	28/9/1995	Nùng	Phường Hoà Chung, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
23	SBD235	Dương Hoàng Thanh Trà	27/02/1998	Tày	Hồng Việt, Hòa An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
24	SBD236	Giáp Thị Thu Trà	05/4/2001	Tày	Hoàng Tung, Hòa An, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
25	SBD237	Lương Thị Trang	14/3/2001	Nùng	Khâm Thành, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
26	SBD238	Nông Thị Trang	01/5/2000	Tày	Ngọc Khê, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
27	SBD239	Sầm Thị Trang	21/11/2002	Nùng	Ngọc Động, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
28	SBD240	Hoàng Thị Uyên	14/02/2000	Tày	Ngọc Đào, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
II PHÒNG THI SỐ 02												
1	SBD241	Hoàng Thị Vân	19/02/1997	Tày	TT Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
2	SBD242	Hoàng Thị Mai Vân	09/5/1998	Tày	Đồng Loan, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
3	SBD243	Lục Thị Vân	14/3/1996	Nùng	Quốc Toàn, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
4	SBD244	Đào Thúy Xuân	05/9/2002	Mông	Nam Quang, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
5	SBD245	Hoàng Thị Yêm	25/02/2001	Tày	Đình Phong, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Luật	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Kiểm tra, Liên đoàn lao động tỉnh	DTTS	Miễn thi	
6	SBD246	Lê Thị Hồng Giang	25/5/1998	Kinh	Phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm		Tiếng Anh	
7	SBD247	Nguyễn Hương Giang	09/10/1999	Tày	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
8	SBD248	Mông Thị Kiều	12/8/1998	Tày	Xuân Trường, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
9	SBD249	Cam Thị Thu Hường	09/11/2001	Tày	Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Truyền thông đa phương tiện	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
10	SBD250	Lý Thị Lan	09/7/1998	Dao	Thành Công, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Công tác thanh thiếu niên	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
11	SBD251	Lãnh Thị Quyên	06/01/1999	Tày	TT Bảo Lạc, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Công tác thanh thiếu niên	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm	DTTS	Miễn thi	
12	SBD252	Hoàng Thị Mai Chi	02/10/2000	Tày	TT Thanh Nhật, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Công tác thanh thiếu niên	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Thạch An	DTTS	Miễn thi	
13	SBD253	Lý Thị Ngọc Chuyên	25/8/1998	Nùng	Cai Bộ, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Công tác thanh thiếu niên	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
14	SBD254	Ma Thị Thùy Linh	23/4/1999	Tày	Cư Lễ, Na Rì, Bắc Kạn	ĐH	Công tác thanh thiếu niên	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Thạch An	DTTS	Miễn thi	
15	SBD255	Hoàng Thị Thuý Tiên	07/8/1999	Tày	Đại Tiến, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Kinh tế đầu tư	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Thạch An	DTTS	Miễn thi	
16	SBD256	Nông Quang Tùng	09/11/2001	Tày	Đức Xuân, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Phát triển nông thôn	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Thạch An	DTTS	Miễn thi	
17	SBD257	Lý Thảo My	28/11/2001	Nùng	TT Trùng Khánh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Thành đoàn thanh niên Thành phố Cao Bằng	DTTS	Miễn thi	
18	SBD258	Phan Thạch Thảo	27/12/2001	Kinh	Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Thành đoàn thanh niên Thành phố Cao Bằng		Tiếng Anh	
19	SBD259	Dương Mỹ Thiện	21/9/2001	Tày	Phúc Lộc, Ba Bể, Bắc Kạn	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Thành đoàn thanh niên Thành phố Cao Bằng	DTTS	Miễn thi	
20	SBD260	Hoàng Tuấn Trung	08/12/2000	Tày	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Thành đoàn thanh niên Thành phố Cao Bằng	DTTS	Miễn thi	
21	SBD261	Chu Văn Truyền	17/9/1998	Tày	An Lạc, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Thành đoàn thanh niên Thành phố Cao Bằng	DTTS	Miễn thi	
22	SBD262	Vũ Thị Lộc Chi	27/10/2001	Kinh	Đức Hồng, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo, Tỉnh đoàn thanh niên		Tiếng Anh	
23	SBD263	Lê Chu Kiên	05/6/2001	Tày	Hưng Đạo, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo, Tỉnh đoàn thanh niên	DTTS	Miễn thi	
24	SBD264	Đặng Phương Nam	19/7/1998	Tày	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo, Tỉnh đoàn thanh niên	DTTS	Miễn thi	
25	SBD265	Nguyễn Khánh Việt	05/9/1998	Nùng	TT Trùng Khánh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo, Tỉnh đoàn thanh niên	DTTS	Miễn thi	
26	SBD266	Ma Thị Ánh	02/10/1992	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
27	SBD267	Nông Lương Thị Bé	22/4/1993	Nùng	Thanh Long, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
28	SBD268	Hoàng Văn Huy	06/11/1982	Tày	Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
D	CA THI SỐ 04											
I	PHÒNG THI SỐ 01											
1	SBD269	Hà Thị Huyền	28/11/1994	Tày	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
2	SBD270	Triệu Sĩ Lan	11/5/1995	Nùng	Đại Sơn, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
3	SBD271	Nông Tuấn Ninh	17/11/1997	Tày	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
4	SBD272	Nguyễn Thị Phụng	03/12/1991	Tày	TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
5	SBD273	Triệu Văn Thanh	25/3/1989	Dao	Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Trồng trọt	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
6	SBD274	Phan Thị Thùy	24/02/1990	Tày	Vĩnh Quang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Công nghệ sinh học	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Nguyên Bình	DTTS	Miễn thi	
7	SBD275	Đàm Thị Thu Giang	18/12/1995	Nùng	Bạch Đằng, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Công nghệ sinh học	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
8	SBD276	Nguyễn Tùng Phan	09/5/1997	Tày	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Nông nghiệp công nghệ cao	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
9	SBD277	Tô Anh Tú	06/12/1998	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Công nghệ sinh học	Chuyên viên	Hội Nông dân huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
10	SBD278	Lục Thị Ánh	10/9/2001	Tày	Quảng Lâm, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
11	SBD279	Mạc Thị Minh Ánh	10/4/2000	Tày	Minh Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
12	SBD280	Hoàng Thị Biển	19/7/1997	Tày	Ngọc Khê, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
13	SBD281	Văn Thị Thùy Chi	05/8/1995	Tày	TT Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	Con thương binh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
14	SBD282	Nông Văn Chuyên	17/11/1996	Tày	Bảo Toàn, Bảo Lạc, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
15	SBD283	Nông Ngân Hà	28/10/2001	Tày	Đức Quang, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
16	SBD284	Đinh Thu Hà	07/02/1999	Tày	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
17	SBD285	Hoàng Thị Kim Hân	31/7/1997	Tày	TT Pác Miầu, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
18	SBD286	Đàm Thị Hải Hậu	10/12/1997	Tày	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
19	SBD287	Hà Thị Diệu Hồng	01/10/1999	Tày	Cai Bộ, Quảng Hoà, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
20	SBD288	Nông Thị Hợp	11/9/1997	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
21	SBD289	Hoàng Thị Huế	25/12/1998	Tày	Đình Phong, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
22	SBD290	Đinh Thị Thu Huyền	26/7/1996	Tày	TT Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
23	SBD291	Dương Thị Liễu	11/11/1997	Nùng	Bình Dương, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
24	SBD292	Nguyễn Thuý Linh	20/9/1996	Tày	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
25	SBD293	Phan Kiều Loan	23/7/1994	Tày	Ngọc Đào, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
26	SBD294	Hoàng Thiên Lý	05/3/1994	Nùng	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
27	SBD295	Phương Thị Nguyệt	12/10/1995	Tày	Xuân Nội, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
28	SBD296	Hà Phương Nhã	04/8/1998	Nùng	Vân Trinh, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
II	PHÒNG THI SỐ 02												
1	SBD297	Đàm Thị	Nhâm	20/01/1994	Nùng	Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
2	SBD298	Nông Thị	Nhung	16/8/1995	Tày	Trọng Con, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
3	SBD299	Triệu Thị Hồng	Nhung	30/9/2001	Dao	TT Thông Nông, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
4	SBD300	Hoàng Thị Mỹ	Oanh	22/10/1993	Tày	Đồng Loan, Hạ Lang, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
5	SBD301	Nguyễn Thị	Phượng	24/6/1995	Tày	Cao Chương, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
6	SBD302	Trương Thị	Sinh	02/9/1998	Mông	Quảng Lâm, Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
7	SBD303	Lưu Minh	Tâm	29/12/1999	Tày	Vũ Minh, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
8	SBD304	Tô Thị Minh	Thảo	09/12/1997	Tày	TT Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
9	SBD305	Đinh Thị Lệ	Thi	10/7/1995	Tày	Chí Thảo, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
10	SBD306	Lương Thuý	Thoa	18/8/1992	Nùng	Đức Thông, Thạch An, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
11	SBD307	Triệu Thị	Thu	03/12/1995	Dao	TT Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
12	SBD308	Dương Thị Minh	Thương	07/8/1999	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
13	SBD309	Ma Khánh	Toàn	02/4/1999	Tày	TT Nguyên Bình, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
14	SBD310	Đàm Thị	Tuyến	09/3/1993	Tày	Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng	Thạc sĩ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
15	SBD311	Nông Thị Huyền Trang	13/3/1997	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
16	SBD312	Bế Ngọc Trâm	22/10/1997	Tày	TT Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
17	SBD313	La Thị Uyên	24/9/1997	Nùng	Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	
18	SBD314	Đàm Thị Xuân	26/11/1999	Nùng	Cách Linh, Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	Công tác xã hội	Chuyên viên	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Thạch An	DTTS	Miễn thi	

(Danh sách ấn định 214 người)



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI VÒNG 1, KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2024

MÔN THI: NGOẠI NGỮ
CA THI SỐ 04, PHÒNG THI SỐ 02

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đội tượng ưu tiên	Thi ngoại ngữ	Ghi chú
1	SBD147	Phạm Thị Bình	04/3/1984	Kinh	Gia Lương, Gia Lộc, Hải Dương	ĐH	Luật	Chuyên viên	Văn phòng Huyện uỷ Hoà An		Tiếng Anh	
2	SBD246	Lê Thị Hồng Giang	25/5/1998	Kinh	Phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Huyện đoàn thanh niên Bảo Lâm		Tiếng Anh	
3	SBD258	Phan Thạch Thảo	27/12/2001	Kinh	Phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Thành đoàn thanh niên Thành phố Cao Bằng		Tiếng Anh	
4	SBD262	Vũ Thị Lộc Chi	27/10/2001	Kinh	Đức Hồng, Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	Chính trị học	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo, Tỉnh đoàn thanh niên		Tiếng Anh	

(Danh sách ấn định 04 người)



LỊCH THI CHI TIẾT

(Kèm theo Thông báo số 459-TB/HĐTD, ngày 04/7/2024 của HĐTD)

1. Thi trắc nghiệm trên máy vi tính môn Kiến thức chung

Từ ca thi 01 đến ca thi 04, ngày 08/7/2024.

STT	Ca thi	Thời gian	Nội dung	Địa điểm
1	Ca thi 1	7 giờ 00 phút đến 7 giờ 20 phút	- Thu lệ phí thi - Phổ biến nội quy phòng thi	Phòng chờ thi
		7 giờ 20 phút	- Gọi thí sinh vào phòng thi - Hướng dẫn thao tác làm bài thi trắc nghiệm.	Phòng thi
		7 giờ 30 phút đến 8 giờ 30 phút	Thí sinh làm bài thi.	Phòng thi
2	Ca thi 2	8 giờ 30 phút đến 8 giờ 50 phút	- Thu lệ phí thi - Phổ biến nội quy phòng thi	Phòng chờ thi
		8 giờ 50 phút	- Gọi thí sinh vào phòng thi - Hướng dẫn thao tác làm bài thi trắc nghiệm.	Phòng thi
		9 giờ 00 phút đến 10 giờ 00 phút	Thí sinh làm bài thi.	Phòng thi
3	Ca thi 3	10 giờ 00 phút đến 10 giờ 20 phút	- Thu lệ phí thi - Phổ biến nội quy phòng thi	Phòng chờ thi
		10 giờ 20 phút	- Gọi thí sinh vào phòng thi - Hướng dẫn thao tác làm bài thi trắc nghiệm.	Phòng thi
		10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút	Thí sinh làm bài thi.	Phòng thi
4	Ca thi 4	13 giờ 30 phút đến 13 giờ 50 phút	- Thu lệ phí thi - Phổ biến nội quy phòng thi	Phòng chờ thi
		13 giờ 50 phút	- Gọi thí sinh vào phòng thi - Hướng dẫn thao tác làm bài thi trắc nghiệm.	Phòng thi
		14 giờ 00 phút đến 15 giờ 00 phút	Thí sinh làm bài thi.	Phòng thi



2. Thi trắc nghiệm trên máy vi tính môn Ngoại ngữ

Ca thi 4, ngày 08/7/2024

STT	Ca thi	Thời gian	Nội dung	Địa điểm
1	Ca thi 4	13 giờ 30 phút đến 13 giờ 50 phút	- Phổ biến nội quy phòng thi	Phòng chờ thi
		13 giờ 50 phút	- Gọi thí sinh vào phòng thi - Hướng dẫn thao tác làm bài thi trắc nghiệm.	Phòng thi
		14 giờ 00 phút đến 14 giờ 30 phút	Thí sinh làm bài thi.	Phòng thi





BAN NỘI QUY THI TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY VI TÍNH

Kỳ thi tuyển dụng công chức năm 2024

(theo nội quy, quy chế thi tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

A- QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI THÍ SINH

1. Phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự. Trường hợp thí sinh dự thi đến chậm quá 30 phút tính từ khi bắt đầu giờ làm bài thi thì không được dự thi.

2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi.

3. Ngồi đúng chỗ theo số báo danh, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh lên mặt bàn để các giám thị phòng thi và các thành viên Hội đồng thi kiểm tra.

4. Chỉ được mang vào phòng thi một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo; **không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi.**

5. Tuân thủ mọi hướng dẫn của giám thị; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng thi.

6. Không được trao đổi với người khác trong thời gian thi, không được trao đổi giấy nháp hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai giám thị phòng thi.

7. Không được ra ngoài phòng thi trong thời gian thi. Nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cho giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết.

8. Nghiêm cấm các hành vi làm hỏng hệ thống máy vi tính phục vụ thi; khi phát hiện máy vi tính không sử dụng được phải kịp thời báo cho giám thị để xem xét, giải quyết.



9. Thí sinh dự thi chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài và ký xác nhận vào bảng kết quả thi. Trường hợp thí sinh dự thi không ký xác nhận vào bảng kết quả thi trước khi ra khỏi phòng thi thì phải nhận điểm không (0). Trường hợp giám thị phát hiện thí sinh dự thi ký thay thí sinh dự thi khác thì các thí sinh này đều phải nhận điểm không (0). Việc quyết định điểm không (0) đối với các trường hợp này do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ báo cáo của Trưởng ban coi thi.

10. Trường hợp người dự thi gặp sự cố về trạm trong quá trình thi thì báo ngay cho giám thị coi thi biết để lập biên bản xác nhận sự cố và được làm lại bài thi ngay trong buổi thi đó.

11. Thí sinh dự thi có quyền tố giác người vi phạm nội quy với giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát.

B- XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI THÍ SINH

1. Khiển trách: Giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Cố ý ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;

b) Trao đổi với thí sinh khác và đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;

c) Mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

2. Cảnh cáo: Giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với thí sinh khác;

b) Cho thí sinh khác chép bài hoặc chép bài của thí sinh khác;

c) Sử dụng tài liệu, điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

3. Đình chỉ thi: Trưởng ban coi thi quyết định đình chỉ thi đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản với hình thức cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy thi hoặc thí sinh cố ý gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng thi. Việc đình chỉ thi được công bố công khai tại phòng thi.



4. Hủy kết quả thi: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức, Thường trực Tỉnh ủy hủy bỏ kết quả thi đối với thí sinh thi hộ hoặc bị đình chỉ thi.

5. Trừ điểm bài thi:

a) Thí sinh bị khiển trách trong phần thi nào sẽ bị trừ 25% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó;

b) Thí sinh bị cảnh cáo trong phần thi, bài thi, môn thi nào sẽ bị trừ 50% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó.

c) Khi lên điểm, căn cứ biên bản xử lý vi phạm do giám thị phòng thi lập, Thư ký Hội đồng báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc trừ điểm đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

6. Thí sinh vi phạm nội quy, quy chế phải bị lập biên bản, giám thị phòng thi và thí sinh vi phạm cùng phải ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trưởng ban coi thi.

Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì giám thị phòng thi mời hai thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận sự việc. Trường hợp có một trong hai thí sinh hoặc cả hai thí sinh được mời ký xác nhận sự việc không ký biên bản thì giám thị phòng thi vẫn lập biên bản và báo cáo Trưởng ban coi thi xem xét, quyết định.

7. Thí sinh cố ý gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng thi, ngoài việc bị đình chỉ, hủy kết quả thi, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

8. Thí sinh dự thi là cán bộ, công chức, viên chức nếu bị đình chỉ thi hoặc bị hủy hết quả thi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG